

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa

Chị Lê Thị Hồng T và

Anh Trần Mạnh T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Lan và ông Vũ Anh T.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 440 T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 7/53 N, phường Q, thành phố T, tỉnh T Hóa.

***- Bị đơn:*** Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 440 T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị T có mặt tại phiên toà, anh T có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01-4-2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N vào ngày 13-01-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 02 tháng thì anh T bị bắt về tội ma túy và phải chấp hành hình phạt tù là 18 năm. Từ khi anh T chấp hành hình phạt tù thì một mình chị sinh con và chăm sóc con. Do anh T phải đi chấp hành án dài nên không có điều kiện để quan tâm và chăm sóc vợ con nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Mạnh K, sinh ngày 15-8-2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 04-4-2024 bị đơn là anh Trần Mạnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận, anh và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 13-01-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N. Do anh phải chấp hành hình phạt tù là 18 năm nên không có điều kiện để quan tâm và chăm sóc vợ con nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Mạnh K, sinh ngày 15-8-2016. Anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn trình bày ngày 03-4-2024 cháu Trần Mạnh K có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 08-4-2024 Chính quyền địa phương nơi chị T và anh T cư trú trước đây xác nhận: Vợ chồng chị Lê Thị Hồng T và anh Trần Mạnh T đăng ký thường trú tại số nhà 440 T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. Anh T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi anh T đi chấp hành hình phạt tù thì chị T đã bỏ vào thành phố T sinh sống. Vợ chồng chị T và anh T có một con chung là Trần Mạnh K, sinh năm 2016, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N căn cứ vào các Điều 21, 58, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố

tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Trần Mạnh T đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị T và anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung Trần Mạnh K, sinh ngày 15-8-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Trần Mạnh T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Mạnh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Mạnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T và anh Trần Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N vào ngày 13-01-2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh T chỉ sống chung được 02 tháng thì anh T phải chấp hành hình phạt tù 18 năm về tội phạm liên quan đến ma túy. Do vậy anh T không có điều kiện để chăm sóc cho vợ con. Vợ chồng sống xa cách từ năm 2016 đến nay. Chị T xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Xét mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử lý hôn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Trần Mạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có một con chung là Trần Mạnh K, sinh ngày 15-8-2016. Cháu Khôi đang ở cùng với chị T và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T đồng ý giao nuôi con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm

bảo sự ổn định và sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Khôi cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Trần Mạnh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Mạnh K, sinh ngày 15-8-2016 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Hồng T.

Anh Trần Mạnh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng T phải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002053 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

4. Chị Lê Thị Hồng T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Mạnh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường Q;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nguyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nguyên**







